

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG – CHĂM SÓC - GIÁO DỤC

LỚP MẪU GIÁO 4-5 TUỔI NĂM HỌC 2025 - 2026

I. MỤC TIÊU - NỘI DUNG

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất			
a. Phát triển vận động:			
1	- Trẻ biết thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	- Hô hấp + Hít vào thở ra, gà gáy... - Tay + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (Kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) + Co và duỗi tay, vỗ hai tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu) - Lưng, bụng, lườn + Cúi người về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.	1=> 9
2	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: + Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn.	- Đi bằng gót chân, đi khuy gối, đi lùi - Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Nhảy lò cò 3m	1,4,6,7,8

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
	+ Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.		
3	- Trẻ kiểm soát được vận động: + Đi thay đổi hướng theo vật chuẩn	- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (Đổi hướng) theo vật chuẩn	2, 3, 5, 6
4	- Trẻ biết phối hợp tay-mắt trong vận động: + Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). + Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). + Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	- Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Tung bắt bóng với người đối diện. - Đập và bắt bóng tại chỗ - Ném xa bằng 1 tay. - Ném xa bằng 2 tay. - Ném trúng đích đứng bằng 1 tay - Ném trúng đích ngang bằng 1 tay. - Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân	1=> 7, 9
5	- Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: + Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. + Ném trúng đích ngang (xa 2 m). + Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	- Chạy 15m trong khoảng 10 giây. - Chạy chậm 60 – 80m. - Bò đích dắc qua 5 điểm. - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m - Trườn theo hướng thẳng - Trèo lên xuống 5 gióng thang. - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m - Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. -BAT liên tục về phía trước. -BAT xa 35- 40cm.	1=>9

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
		- Bật qua vật cản cao 10 - 15cm - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. - Bật – nhảy từ trên cao xuống (30-35cm).	
6	- Trẻ thực hiện được các vận động: + Cuộn - xoay tròn cổ tay. + Gập, mở, các ngón tay.	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi... - Gập, mở, các ngón tay - Gập giấy.	4, 5, 9
7	- Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: + Vẽ hình người, nhà, cây. + Cắt thành thạo theo đường thẳng. + Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. + Biết tết sợi đôi. + Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	- Lắp ghép hình - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây. - Tết sợi đôi: tết tóc, tết len, tết rơm, lá khô...	1=>5
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
8	- Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: + Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. + Rau, quả chín có	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). + Có nhiều chất đạm: thịt	2, 5, 6

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
	nhiều vitamin	bò, cá nướng, trứng, sữa... + Thực phẩm nhiều vitamin: Rau ngót, rau muống, quả chuối, cam, bưởi.. + Nhóm chất béo: mỡ, lạc, vừng, bơ ... + Nhóm bột đường: gạo, ngô, khoai sắn...	
9	- Trẻ nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn hằng ngày của bé.	1,2,5,6
10	- Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống, đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ăn mất vệ sinh, ăn quả xanh bị ỉa chảy, ăn nhiều bánh kẹo bị sâu răng, ăn ít ăn không đủ chất sẽ bị suy dinh dưỡng, ăn nhiều chất sẽ bị béo phì...)	2,5
11	- Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: + Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	- Tập đánh răng, lau mặt - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn...	2,3

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
12	- Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	1,2
13	- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: + Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. + Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... + Không uống nước lã.	- Trước khi ăn mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.	1, 2
14	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép, giày khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... + Đi vệ sinh đúng nơi quy định. + Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người: - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết nơi trẻ sống: mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết nơi trẻ sống. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản: nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định... - Bỏ rác đúng nơi qui định.	2, 8

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
15	- Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc, nhọn không nên nghịch.	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng: phích nước nóng, bàn là, bếp củi, bếp ga, dao, kéo...	3,4
16	- Trẻ nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn nguy hiểm đến tính mạng: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước...	8
17	- Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... + Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. + Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng : + Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... + Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. + Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo	1, 6
18	- Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: + Biết gọi người lớn	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ: + Gọi người lớn khi gặp	3,5,7,8

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
	khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. + Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. + Gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết	
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
a. Khám phá khoa học			
19	- Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo?; Vì sao lá cây bị ướn?...	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây nơi trẻ sống.	5,6,8
20	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Quan sát phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống của địa phương. - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm bên ngoài của các loại cây, hoa, quả gần gũi của địa phương, ích lợi và tác hại đối với con người. - Đặc điểm bên ngoài của con vật gần gũi, quen thuộc:	1=>9

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
		con chó, con mèo, con gà, con trâu, con lợn... - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi nơi trẻ sống. - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông của địa phương: xe máy, xe đạp, công nông...	
21	- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	- Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước tại địa phương	8
22	- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	1,6,7,8
23	- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 – 2 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 – 2 dấu hiệu. - Phân loại phương tiện giao	1, 3=> 7

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
		thông theo 1 – 2 dấu hiệu.	
24	- Trẻ biết nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn”	- Các nguồn nước trong môi trường sống ở địa phương: Nước giếng khoan, nước sạch, nước mưa. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây ở địa phương.	5,6,8
25	- Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản, Ví dụ: làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	6,7,8
26	- Trẻ biết nhận xét trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả của địa phương. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm.	1,2,3, 5, 6, 7, 8
27	- Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	2,6
b. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán			
28	- Trẻ quan tâm đến chữ	- Đếm trên đối tượng trong	1, 7,8,9

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
	số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: “Là bao nhiêu?”; “Là số mấy?”...	phạm vi 10 và đếm theo khả năng của trẻ. - Xếp tương ứng 1-1 ; ghép đôi	
29	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.		1,3, 4,6,7,8,9
30	- Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.		1,3, 4,6,7,8,9
31	- Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm.	3,4,5
32	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	- Tách 2 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	3, 4, 5
33	- Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5	1, 3, 4, 5
34	- Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà, biển số xe...)	3, 7
35	- Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.	6

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
36	- Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.	6, 8
37	- Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	7
38	- Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	7
39	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (Phía trước – phía sau; Phía trên – phía dưới; phía phải – phía trái)	2
40	- Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối.	8
c. Khám phá xã hội			
41	- Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên tuổi, giới tính. Đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân: Bạn trai tóc ngắn, mặc quần. Bạn gái tóc dài, mặc váy, ..	2
42	- Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình.	3

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
	ảnh về gia đình.		
43	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình (thôn, đội, bản) khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình (thôn, đội, bản)	3
44	- Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, địa chỉ của trường, lớp.	1
45	- Trẻ nói được tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.	1
46	- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn (bạn trai, bạn gái); các hoạt động của trẻ ở trường	1,2
47	- Trẻ biết kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương: Nghề nông, nghề thủ...	4
48	- Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	- Đặc điểm nổi bật của các ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của Điện Biên: Tết trung thu, Tết cổ truyền, 20/11, hội Đền Hoàng Công Chất,...	1, 3, 4, 6,7,9
49	- Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh của quê hương, đất nước: Đồi A1, Hầm Đờ cát,	9

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
		Nghĩa trang, khoáng nóng Uva, Đèn Hoàng Công Chấn...	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
50	- Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ : “cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	- Hiểu và làm theo được 2 – 3 yêu cầu.	4,5,6
51	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.	3,5,6
52	- Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	5,7,9
53	- Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó - Trả lời và đặt các câu hỏi: Ai? Cái gì? Ở đâu? Khi nào? Để làm gì?...	2,4,7
54	- Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Nghe hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng	1, 2, 3, 4, 7
55	- Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.	4,9
56	- Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự	- Kể lại sự việc theo trình tự	8,9
57	- Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1=> 9
58	- Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Kể lại truyện đã được nghe.	1=> 9

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
59	- Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch.	5
60	- Trẻ biết sử dụng các từ như: “mời cô”, “mời bạn”, “cảm ơn”, “xin lỗi” trong giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	1,2
61	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	2
62	- Trẻ biết chọn sách để xem.	- Xem tranh ảnh, phim, video, truyện tranh về an toàn giao thông ... - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu + Phân biệt phần mở đầu kết thúc của sách - Giữ gìn sách	5,6,9
63	- Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật hiện tượng, tranh ảnh.	7, 9
64	- Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh.	- Làm quen với cách đọc tiếng Việt: + Hướng đọc: Từ trái sang	8, 9

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
	“đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).	phải, từ dòng trên xuống dòng dưới + Hướng viết của các nét chữ; Đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách - "Đọc" truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn bảo vệ sách.	
65	- Trẻ biết nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)	1,3
66	- Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	- Làm quen với cách viết tiếng Việt: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới + Hướng viết của các nét chữ. - Nhận dạng 1 số chữ cái (o, ô, ơ, a, ă, â, e, ê, u, ư, l, m, n, i, t, c,...) - Tập tô, tập đồ các nét chữ.	2,3,4,5,6,7,8
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội			
67	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Tên bố, tên mẹ.	2
68	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể	- Sở thích, khả năng của bản thân.	2,4,5,7

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
	làm được.		
69	- Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	1=>4,9
70	- Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)	- Cất, dọn đồ chơi đúng nơi quy định. - Xếp ghế, lau bàn, cất bát,...	1,2,3,5,9
71	- Trẻ nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái, cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.	1,2,3,5,7,8,9
72	- Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái, cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói: Trò chơi; hát; vận động; vẽ, nặn, xếp hình.	2
73	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ.	9
74	- Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	9
75	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước, địa phương.	9
76	- Trẻ biết thực hiện một số nội quy ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ	- Một số quy định ở lớp, gia đình, nơi công cộng (Để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường).	1, 3

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
	ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	- Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình.	
77	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Sử dụng lời nói cử chỉ lễ phép phù hợp với văn hóa của địa phương.	1,3,4
78	- Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe và tôn trọng ý kiến của người khác.	2,8,9
79	- Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Chờ đến lượt, hợp tác	4, 7, 8, 9
80	- Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...)	- Quan tâm, giúp đỡ bạn.	1,2,7
81	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật, cây cối.	5, 6
82	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.	1,4,5,6,7,8
83	- Trẻ biết không bẻ cành, bứt hoa.	- Bảo vệ, chăm sóc cây cối. - Phân biệt hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu"	6
84	- Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Tiết kiệm điện, nước.	3,6,8
5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ			
85	- Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác	4,8,9

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
	ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	phẩm nghệ thuật.	
86	- Trẻ chú ý nghe, thích thú (Hát vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát bản nhạc. Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; Thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, chuyện. - Ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc về màu sắc, hình dáng...của tác phẩm tạo hình	1=> 9
87	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.		4, 8, 9
88	- Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	1=> 9
89	- Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	1=> 9
90	- Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	4,7,8
91	- Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên,	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để	1,2,4,5,6,9

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề
STT	Mục tiêu		
	ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét.	
92	- Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	3,5,6,7,8,9
93	- Trẻ biết làm lõm, đồ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.		1, 3, 9
94	- Trẻ biết phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.		3,5,7,8
95	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/đường nét.	7, 8, 9
96	- Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.	1=> 9
97	- Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.	1=> 9
98	- Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	6,7,9
99	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình	4,8,9

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

ST T	Chủ đề thời gian	Chủ đề nhánh	Thời gian	Điều chỉnh bổ sung
	Từ ngày 03/9/2025 đến ngày 05/9/2025	- Rèn nề nếp	- Từ 3/9 -> 5/9	
1	Trường mầm non – Tết trung thu (4 tuần) Từ ngày 08/9/2025 đến ngày 03/10/2025	- Trường mầm non của bé	- 1 Tuần từ 8/9->12/9	
		- Cô giáo và các bạn	- 1 Tuần từ 15/9->19/9	
		- Đồ dùng đồ chơi của lớp	- 1 Tuần từ 22/9->26/9	
		- Tết Trung thu	- 1 Tuần từ 29/9->3/10	Tết Trung thu (phạm vi toàn trường)
2	Bản thân bé (4 tuần) Từ ngày 06/10/2025 đến ngày 31/10/2025	- Bé là ai	- 1 Tuần từ 6/10->10/10	
		- Cơ thể kỳ diệu của bé	- 1 Tuần từ 13/10->17/10	
		- Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	- 1 Tuần từ 20/10->24/10	
		- Bé bảo vệ bản thân	- 1 Tuần từ 27/10->31/10	
3	Gia đình thân yêu - ngày 20/11 (4 tuần) Từ ngày 03/11/2025 đến ngày 28/11/2025)	- Những người thân yêu của bé	- 1 Tuần từ 3/11->7/11	
		- Ngôi nhà của bé	- 1 Tuần từ 10/11->14/11	
		- Ngày hội 20/11	- 1 Tuần từ 17/11->21/11	Ngày nhà giáo Việt Nam (Phạm vi khối, lớp)
		- Đồ dùng trong gia đình	- 1 Tuần từ 24/11->28/11	
4	Những nghề bé thích - Ngày 22/12 (4 tuần) Từ ngày 01/12/2025 đến ngày 26/12/2025	- Bác nông dân	- 1 Tuần từ 01/12->5/12	
		- Nghề thêu, dệt của dân tộc thái	- 1 Tuần từ 8/12->12/12	
		- Bác thợ xây	- 1 Tuần từ 15/12->19/12	
		- Ngày thành lập quân	- 1 Tuần	Ngày 22/12

		đội nhân dân VN 22/12	từ 22/12->26/12	(Phạm vi khối, lớp)
5	Những con vật bé yêu (4 tuần) Từ ngày 29/12/2025 đến ngày 23/1/2026	- Con vật nuôi trong gia đình	- 1 Tuần từ 29/12->2/01	
		- Con vật sống dưới nước	- 1 Tuần từ 5/01->9/01	
		- Con vật sống trong rừng	- 1 Tuần từ 12/01->16/01	
		- Một số con côn trùng	- 1 Tuần từ 19/01->23/01	
6	Thế giới thực vật - Tết và mùa xuân(4 tuần) Từ ngày 26/1/2026 đến ngày 27/2/2026	- Cây xanh quanh bé	- 1 Tuần từ 26/01->30/01	
		- Hoa, quả bé thích	- 1 Tuần từ 2/2->6/2	
		- Tết và mùa xuân	- 1 Tuần từ 9/2->13/2	Bé vui đón tết (Phạm vi toàn trường)
		Nghỉ tết nguyên đán từ ngày 16/02 đến 20/02/2026		
		- Một số loại rau	1 Tuần từ 23/02->27/02	
7	Phương tiện và quy định giao thông - ngày hội 8/3 (4 tuần) Từ ngày 02/3/2026 đến ngày 27/3/2026	- Ngày hội 8/3	- 1 Tuần từ 2/3->6/3	Ngày 8/3(Phạm vi khối, lớp)
		- PTGT đường bộ	- 1 Tuần từ 9/3->13/3	
		- PTGT đường thủy, đường hàng không	- 1 Tuần từ 16/3->20/3	
		- Bé đi đường an toàn	- 1 Tuần từ 23/3->27/3	
8	Nước và một số hiện tượng tự nhiên (3 tuần) Từ ngày 30/3/2026 đến ngày 17/4/2026	- Một số nguồn nước	- 1 Tuần từ 30/3->3/4	
		- Một số hiện tượng tự nhiên	- 1 Tuần từ 6/4->10/4	
		- Các mùa trong năm	- 1 Tuần từ 13/4->17/4	
9	Quê hương đất nước - Bác Hồ - Thủ đô Hà Nội - tết thiếu nhi (4 tuần)	- Bản làng quê em	- 1 Tuần từ 20/4->24/4	
		Tuần ôn	- Từ 27/4->01/5	
		- Thủ đô Hà Nội	- 1 Tuần từ 4/5->8/5	

	Từ ngày 20/04/2026 đến ngày 22/05/2026	- Bác Hồ kính yêu	- 1 tuần từ 11/5->15/5	
		- Tết thiếu nhi	- 1 Tuần từ 18/5->22/5	Tết thiếu nhi (Phạm vi khối, lớp)

BAN GIÁM HIỆU
(*Ký duyệt*)

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH

Phạm Thanh Thuý

Trần Thị Việt